

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 161/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Đoàn Thân;

2. bà Nguyễn Thị Chung.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tiểu khu D, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thùy T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11/10/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh K không có trách nhiệm với vợ con, gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị T và anh K đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay,

thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị T khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Minh K1, sinh ngày 26/6/2023, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu K1 ở với chị T. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trước đây chị làm công nhân công ty giày da VENUS nhưng hiện nay chị làm nghề bán hàng online thu nhập hàng tháng từ 7 đến 8 triệu đồng.

Về tài sản: Chị Phạm Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập anh Nguyễn Văn K đến Toà án để viết bản khai nhưng anh K không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do nên không có bản khai của anh K.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Thùy T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1 là phù hợp với quy định tại Điều 56; khoản 3, Điều 81, 82, 83, khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh K không có mặt tại Tòa án mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh K cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh K không có trách nhiệm với vợ con, gia đình. Kết quả xác minh ngày 20/6/2024 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y cũng cho thấy, quá trình chung sống chị T và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn. Như

vậy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh K luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị T được ly hôn anh K là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T khai, vợ chồng có vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Minh K1, sinh ngày 26/6/2023. Chị T cũng xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu K1, trong đó xác định cháu K1 là con chung của chị T và anh K. Mặt khác, cháu K1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu K1 là con chung của chị T và anh K. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K1, do cháu K1 chưa đủ 36 tháng tuổi, vì vậy giao cháu K1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 26/6/2023 là con chung của chị T và anh K. Giao cháu K1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh K không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006853 ngày 15/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Chung Đoàn Thân Trịnh Thanh H

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương